TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/DS-ST
Ngày 13-5-2026.
V/v tranh chấp góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Dình.

2. Ông Bùi Văn Diên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hải – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 19xx. Căn cước công dân số 080xx. Địa chỉ: Số xx, ấp M, xã N, tỉnh T.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lương Văn C, sinh năm 19xx. Căn cước công dân số 080xx. Địa chỉ: số xx, ấp M, xã N, tỉnh T.

2.2. Bà Lương Thị Kim H sinh năm 19xx. Căn cước công dân số 080xx. Địa chỉ: Số xx ấp L, xã N, tỉnh T.

2.3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 19xx. Căn cước công dân số 0801xx. Địa chỉ: Số xx, ấp M, xã Nh, tỉnh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn C, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Số xx, ấp L, xã N, tỉnh T.

(Tất cả các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày như sau:

Bà K có tham gia chơi hụi do ông Lương Văn C, bà Nguyễn Thị M và bà Lương Thị Kim H làm chủ. Hụi 5.000.000 đồng/tháng, thỏa thuận ai bỏ thăm cao thì hốt, hụi chết đóng 5.000.000 đồng/tháng, tiền hoa hồng 1.800.000 đồng. Cụ thể các dây hụi:

Ngày 01/3/2023 hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 13 phần, bà tham gia 2 phần, đóng được 10 kỳ với số tiền 80.000.000 đồng.

Ngày 05/6/2023 hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 13 phần, bà tham gia 1 phần, đóng được 7 kỳ với số tiền 28.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà đưa cho bà H là 108.000.000 đồng. Bà yêu cầu ông Lương Văn C, bà Nguyễn Thị M và bà Lương Thị Kim H trả số tiền hụi 108.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lương Văn C trình bày: Năm 2017 ông có làm chủ hụi để cho con là Lương Thị Kim H đứng tên, dây hụi này đã mãn. Ông không có tổ chức chơi hụi tiếp, bà H tự tổ chức chơi hụi và tự ký tên của ông trong danh sách hụi. Ông xác định không có gom hụi của bà K và đồng ý cùng bà H trả nợ cho bà Khen.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là vợ của ông Lương Văn C. Bà có biết bà H tổ chức chơi hụi. Bà có nhận tiền hụi của bà K giao cho bà H khoảng 2-3 lần. Bà đồng ý liên đới cùng bà H trả nợ cho bà K.

Bị đơn bà Lương Thị Kim H trình bày: Bà xác định có mở các dây hụi và bà K có tham gia hụi do bà làm chủ như lời trình bày của bà K.

Bà mở hụi để lấy tiền hoa hồng để lo cho kinh tế gia đình. Bà xác định có nhận của bà K số tiền 108.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà K số tiền 108.000.000 đồng, phương pháp trả là 1.000.000 đồng/tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C trình bày: Ông là chồng của bà Lương Thị Kim H, sống chung năm 2004, có đăng ký kết hôn.

Ông xác định không biết việc bà H tổ chức chơi hụi. Hiện ông làm thợ hồ, khi đi làm ông có đưa tiền cho bà H để lo kinh tế gia đình.

Khoảng đầu năm 2024, bà H tuyên bố bể hụi nên ông mới biết việc bà H có tổ chức chơi hụi. Sau khi bà H tuyên bố bể hụi, ông và bà H độc lập về kinh tế, ông chăm lo việc học của các con.

Ông không đồng ý cùng bà H trả nợ cho bà K.

Tại phiên tòa: Các đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà đồng ý cho các bị đơn trả tiền còn nợ 10.000.000 đồng/tháng từ 12/6/2026 đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, đúng quan hệ tranh chấp. Việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Buộc ông Lương Văn C, bà Nguyễn Thị M và bà Lương Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị K số tiền góp hụi còn nợ là 108.000.000 đồng. Phương thức trả 10.000.000 đồng/tháng từ ngày 12/6/2026 đến khi trả hết nợ.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ông Lương Văn C, bà Nguyễn Thị M và bà Lương Thị Kim H trả số tiền góp hụi còn nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp góp hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hiện bị đơn đang sinh sống tại xã N, tỉnh Tây Ninh nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà K yêu cầu bà H, ông C, bà M trả số tiền hụi 108.000.000 đồng. Xét thấy:

[2.1] Bà K cho rằng có tham gia 02 dây hụi do bà H làm chủ đến ngày 07/01/2024 bà H tuyên bố bể hụi và còn nợ số tiền 108.000.000 đồng nên yêu cầu bà H, bà M và ông C trả số tiền hụi còn nợ là 108.000.000 đồng. Ngược lại, bà H xác định có làm chủ hụi, bà K có tham gia hụi do bà làm chủ, bà còn nợ và đồng ý trả cho bà K số tiền 108.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Tại phiên tòa, bà H xác định có nhận tiền đóng hụi của bà K nhưng do các hụi viên khác tham gia chơi hụi sau khi hốt hụi không đóng tiền hụi chết cho bà, bà sử dụng tiền hoa hồng trả nợ nên bà chưa có tiền giao lại cho bà K. Do chủ hụi là bà H không thực hiện nghĩa vụ giao tiền hụi cho bà K nên bà K có quyền yêu cầu bà H phải trả lại số tiền đã góp hụi này theo quy định tại Điều 15, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

[2.2] Ông Lương Văn C xác định không có tổ chức chơi hụi, không có ký tên trong danh sách hụi viên, không có gom tiền hụi của bà K. Bà H xác định chữ ký của ông C trong danh sách hụi là do bà tự làm. Bà Nguyễn Thị M xác định không có tổ chức chơi hụi nhưng có nhận tiền của bà K đóng hụi khoảng 2-3 lần. Tại phiên tòa, ông C và bà M đồng ý cùng bà H liên đới trả số tiền hụi còn nợ cho bà K. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K. Buộc ông Lương Văn C, bà Nguyễn Thị M và bà Lương Thị Kim H liên đới trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền hụi còn nợ 108.000.000 đồng.

[3] Phương pháp trả nợ: Bà H yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi kết thúc nợ nhưng bà K không đồng ý. Tại phiên tòa, bà K đồng ý cho ông C, bà M, bà H trả theo phương pháp 10.000.000 đồng/tháng tính từ ngày 12/6/2026. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông C, bà M, bà H trả số tiền 108.000.000 đồng cho bà K theo phương pháp 10.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày 12/6/2026 đến khi trả hết số nợ.

[4] Về tiền lãi: Nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Người có quyền lợi vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C, bà M, bà H liên đới phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà K là 5.400.000 đồng. Do ông C, bà M thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và có yêu cầu miễn án phí nên miễn án phí cho ông C, bà M. Vì vậy, bà H phải nộp số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 15, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K "tranh chấp góp hụi" với ông Lương Văn C, bà Nguyễn Thị M và bà Lương Thị Kim H.

1.1. Buộc ông Lương Văn C, bà Nguyễn Thị M và bà Lương Thị Kim H liên đới phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền hụi còn nợ là 108.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu đồng) theo phương pháp sau: trả 10.000.000 đồng/tháng (Mười triệu đồng), bắt đầu từ ngày 12/6/2026 cho đến khi kết thúc số nợ.

1.2. Quá thời gian trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lương Thị Kim H phải nộp số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

2.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.240.000 đồng (Ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015759 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
-THA DS tỉnh Tây Ninh;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TAND KHU VỰC 5
XMA130526.TL.QDBA
595

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa